TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04 – 7 -2023
"V/v *Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Ngâm và ông Lương Công Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:*** ông Lương Công Trứ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 117/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXX-ST ngày 29/5/2023, Quyết định hoãn phiên toà số 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Trần Thị N, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Nguyễn Văn Q trình bày: Anh kết hôn với chị Trần Thị N vào năm 2014 tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Hôn nhân tự nguyện, ban đầu chung sống hạnh phúc. Sau đó, chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nhưng anh cũng không biết mâu thuẫn cụ thể là gì nhưng chị N bỏ nhà đi, không về phía nhà mẹ vợ ở, đi đâu thì không biết. Từ năm 2020, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau nữa. Anh Q cũng không liên lạc được với chị N, chị N cũng không gọi điện về hỏi thăm chồng con. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trần Gia K, sinh ngày 25/11/2014 và Nguyễn Trần Anh T, sinh ngày 27/7/2018. Hiện nay, cả hai cháu đang ở với anh Q, do anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi anh Q đi làm thì các con luân phiên gửi nhà nội, nhà ngoại. Bên ngoại thì vẫn chăm sóc các con anh bình thường

không có gì mâu thuẫn giữa hai bên gia đình.

Nay khi ly hôn, anh Q yêu cầu được nuôi hai con chung. Trong quá trình bỏ đi, chị N cũng không liên lạc với gia đình, ngay cả phía cha mẹ ruột chị N cũng không liên hệ gì, không gửi tiền chu cấp nuôi con. Riêng anh Q có thu nhập hàng tháng khoảng 5 đến 6 triệu đồng nên tự nuôi các con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Khi anh nộp đơn xin ly hôn tại Tòa thì anh không liên lạc được với chị N nhưng có báo với gia đình phía vợ. Cha mẹ vợ cũng thống nhất cho anh được ly hôn vì thực tế chị N đã bỏ nhà đi, không chăm sóc, lo lắng cuộc sống gia đình.

*Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại Biên bản xác minh ngày 26/5/2023 tại Công an Phường P, thành phố T, Phú Yên xác định chị Trần Thị N có đăng ký thường trú tại Khu phố F, Phường P, thành phố T, Phú Yên. Hiện nay, chị N không có mặt tại địa phương. Công an Phường P không tiếp nhận thông tin phản ánh gì liên quan đến tình trạng mâu thuẫn, bạo lực gia đình của vợ chồng anh Q, chị N.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bị đơn Nương, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao các con chung Nguyễn Trần Gia K, Nguyễn Trần Anh T, cho nguyên đơn Q chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Nguyễn Văn Q yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn Trần Thị N có địa chỉ tại Khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân

thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt, không rõ lý do tại phiên tòa mở lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Văn Q và bị đơn Trần Thị N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2014 ngày 10/9/2014, đảm bảo về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên đơn trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gì không rõ nhưng cô N bỏ nhà đi. Từ năm 2020 đến nay, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau nữa, nguyên đơn không liên lạc được với bị đơn, bị đơn cũng không liên lạc với nguyên đơn, gia đình phía bị đơn cũng như các con. Cuộc sống vợ chồng không được ai quan tâm, chia sẻ với nhau, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn, yêu cầu ly hôn. Bị đơn vắng mặt, Tòa án đã triệu tập nhiều lần không đến Tòa làm việc nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

Xét hai bên đương sự không còn chung sống cùng nhau, bị đơn bỏ nhà đi từ năm 2020 đến nay, bị đơn không quan tâm đến tình cảm vợ chồng, không cùng nhau chia sẻ công việc gia đình và chăm sóc con chung, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[5] Con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Nguyễn Trần Gia K, sinh ngày 25/11/2014 và Nguyễn Trần Anh T, sinh ngày 27/7/2018. Hiện nay, các cháu T, K đang ở với nguyên đơn, do nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét bị đơn không đến Tòa trình bày cũng như không có ý kiến gì về việc nuôi con. Cháu K trình bày mẹ đi đâu không biết, không điện thoại và không về thăm nhưng cháu K có nguyện vọng ở với mẹ. Xét hiện nay, các cháu K, T đang do cha là nguyên đơn Q chăm sóc, nuôi dưỡng nên để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của các cháu, Hội đồng xét xử xét giao hai cháu K và cháu T cho nguyên đơn Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn Q không yêu cầu bị đơn Nương cấp dưỡng nuôi con. Xét việc không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung*:* Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[8] Về án phí*:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn Q về việc ly hôn với bị đơn Trần Thị N.

2. Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Trần Anh T, sinh ngày 27/7/2018 và cháu Nguyễn Trần Gia K, sinh ngày 25/11/2014 cho nguyên đơn Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bị đơn Trần Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí HNGĐ-ST: Nguyên đơn Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0008057 ngày 31/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn Q đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- UBND Phường Phú Đông (số 55/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Uyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- UBND phường Phú Đông, TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Uyên